

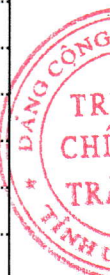
TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TRAN PHU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ ND Ở CƠ SỞ
NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ; TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ CỦA ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K148 - HUYỆN THẠCH HÀ**

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Nghiệp vụ công tác MTTQ và ĐTND ở cơ sở	Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương
1	Nguyễn Thị	An	01	8,0	7,5	8,0
2	Trương Thị	Anh	02	8,0	8,0	8,0
3	Lưu Văn	Anh	03	7,5	7,0	7,5
4	Hồ Thị	Anh	04	8,0	7,0	8,0
5	Đỗ Đức	Cường	05	8,5	8,0	8,25
6	Lê Thị	Chiến	06	8,0	7,5	8,5
7	Phan Huy	Chung	07	8,0	7,0	8,0
8	Lê Thị Thùy	Dung	08	7,5	7,5	7,5
9	Võ Văn	Dũng	09	7,0	6,5	7,5
10	Trần Đại	Đồng	10	7,0	6,5	7,5
11	Phạm Văn	Đồng	11	7,0	7,5	7,5
12	Thái Anh	Đức	12	7,5	7,5	8,0
13	Nguyễn Phi	Đường	13	7,5	7,0	7,5
14	Nguyễn Thị Thanh	Hảo	14	8,0	8,0	7,5
15	Dương Thị	Hằng	15	8,5	8,0	8,5
16	Trần Thị	Hằng	16	7,5	7,0	8,0
17	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17	8,0	7,5	8,0
18	Dương Thị	Hiền	18	7,5	7,5	8,0
19	Trần Thế	Hiệp	19	7,0	8,0	7,5
20	Dương Đình	Hòa	20	8,5	8,0	8,5
21	Dương Văn	Hòa	21	7,5	8,0	7,5
22	Nguyễn Văn	Hòa	22	7,0	7,5	8,0
23	Phan Thị	Hoài	23	7,5	8,0	8,0
24	Nguyễn Thị	Hoài	24	8,0	7,5	8,0
25	Nguyễn Thị	Hoan	25	8,5	8,0	8,0
26	Nguyễn Đình	Hoan	26	7,5	7,5	7,5
27	Lê Thị Thu	Huệ	27	8,5	8,0	8,0
28	Nguyễn Sỹ	Hùng	28	7,5	7,0	7,5
29	Phan Trần	Hưng	29	7,0	7,0	7,5
30	Trần Thị	Hương	30	7,5	6,5	8,0
31	Trần Thị	Hương	31	8,5	7,0	8,0



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		
				Nghịệp vụ công tác MTTQ và ĐTND ở cơ sở	Nghịệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương
32	Nguyễn Thị	Kỹ	32	8,0	6,5	8,0
33	Nguyễn Minh	Khương	33	8,5	8,5	8,25
34	Nguyễn Thị	Long	34	7,0	7,5	8,0
35	Nguyễn Thị	Luận	35	7,0	7,0	8,0
36	Trần Văn	Lượng	36	7,0	7,0	8,0
37	Lê Thị	Ly	37	6,5	8,0	7,5
38	Đặng Thị Thúy	Ngân	38	7,5	8,5	7,5
39	Nguyễn	Ngọc	39	8,5	8,0	8,25
40	Từ Tiến	Ngọc	40	8,0	8,0	8,5
41	Nguyễn Văn	Nguyệt	41	6,5	7,5	6,0
42	Nguyễn Thị Linh	Nhâm	42	7,5	8,0	8,5
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	8,0	8,5
44	Lê Thị Tô	Như	44	8,0	7,5	8,5
45	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	45	7,5	7,5	8,25
46	Nguyễn Danh	Phong	46	8,0	8,0	8,25
47	Lê Thị	Phuong	47	7,0	7,5	7,0
48	Nguyễn Thị Bích	Phuong	48	8,0	7,5	8,0
49	Bùi Thị Hồng	Soa	49	7,5	7,0	7,0
50	Nguyễn Đình	Son	50	Nghỉ học		
51	Nguyễn Trung	Son	51	7,0	7,0	8,0
52	Nguyễn Thanh	Tĩnh	52	7,5	7,5	7,0
53	Nguyễn Thị	Tĩnh	53	7,5	7,5	7,0
54	Lê Anh	Tuân	54	6,5	7,0	7,5
55	Nguyễn Văn	Tuân	55	8,0	7,5	7,5
56	Nguyễn Anh	Tùng	56	8,0	8,0	8,25
57	Nguyễn Thị Phương	Thanh	57	7,5	8,0	8,0
58	Nguyễn Thị	Thanh	58	7,0	7,0	7,5
59	Lê Ngọc	Thanh	59	7,0	7,5	8,0
60	Nguyễn Trọng	Thành	60	8,0	8,0	8,25
61	Bùi Quang	Thành	61	7,0	7,0	7,5
62	Nguyễn Thị	Thành	62	7,5	7,5	8,5
63	Hồ Quyết	Thắng	63	7,0	7,0	8,0
64	Lê Hữu	Thắng	64	7,0	6,5	6,0
65	Nguyễn Ngọc	Thắng	65	8,0	7,0	7,0
66	Nguyễn Văn	Thiệt	66	7,5	7,0	7,0
67	Lê Tiến	Thịnh	67	8,0	8,0	8,25

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		
			Nghịệp vụ công tác MTTQ và ĐTND ở cơ sở	Nghịệp vụ công tác Đảng ở cơ sở	Tình hình nhiệm vụ của địa phương
68	Lê Thị Thơ	68	7,5	8,0	8,5
69	Trần Thị Thu	69	7,0	7,5	7,0
70	Trần Thị Thu	70	8,0	7,0	8,0
71	Nguyễn Thị Thủy	71	8,0	7,0	8,0
72	Đặng Thị Thương	72	7,5	7,5	8,0
73	Nguyễn Thị Trang	73	7,0	7,0	8,0
74	Nguyễn Thị Trang	74	8,0	6,5	8,0
75	Lê Hồng Trinh	75	8,0	8,0	8,5
76	Nguyễn Từ Trường	76	7,5	7,5	8,0
77	Nguyễn Thị Vân	77	7,5	7,5	8,25
78	Bùi Thị Hải Vân	78	7,5	7,5	8,5
79	Nguyễn Thúy Vân	79	7,0	6,5	7,0
80	Nguyễn Ngọc Vinh	80	7,0	6,5	7,0
81	Lê Thị Ái Vinh	81	7,5	6,5	7,0
82	Nguyễn Thái Vũ	82	7,0	6,5	7,0
83	Từ Thị Xanh	83	7,0	7,0	7,0
84	Dương Văn Quyền	84	7,5	8,0	8,5

Danh sách này gồm: 84 học viên

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Thái Thị Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT&NCKH



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tứ